**ĐÁP ÁN ĐỊA 11 XÃ HỘI**

**I/TRẮC NGHIỆM : ( 4đ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| made | cautron | dapan |  | made | cautron | dapan |  | made | cautron | dapan |  | made | cautron | dapan |
| 120 | 1 | C |  | 267 | 1 | C |  | 302 | 1 | A |  | 419 | 1 | D |
| 120 | 2 | D |  | 267 | 2 | C |  | 302 | 2 | D |  | 419 | 2 | D |
| 120 | 3 | A |  | 267 | 3 | D |  | 302 | 3 | D |  | 419 | 3 | A |
| 120 | 4 | B |  | 267 | 4 | A |  | 302 | 4 | A |  | 419 | 4 | C |
| 120 | 5 | B |  | 267 | 5 | D |  | 302 | 5 | C |  | 419 | 5 | C |
| 120 | 6 | B |  | 267 | 6 | B |  | 302 | 6 | B |  | 419 | 6 | D |
| 120 | 7 | A |  | 267 | 7 | B |  | 302 | 7 | A |  | 419 | 7 | B |
| 120 | 8 | A |  | 267 | 8 | A |  | 302 | 8 | C |  | 419 | 8 | A |
| 120 | 9 | A |  | 267 | 9 | C |  | 302 | 9 | C |  | 419 | 9 | D |
| 120 | 10 | B |  | 267 | 10 | D |  | 302 | 10 | D |  | 419 | 10 | B |
| 120 | 11 | C |  | 267 | 11 | D |  | 302 | 11 | B |  | 419 | 11 | B |
| 120 | 12 | D |  | 267 | 12 | A |  | 302 | 12 | B |  | 419 | 12 | C |
| 120 | 13 | C |  | 267 | 13 | B |  | 302 | 13 | B |  | 419 | 13 | A |
| 120 | 14 | D |  | 267 | 14 | B |  | 302 | 14 | A |  | 419 | 14 | C |
| 120 | 15 | C |  | 267 | 15 | C |  | 302 | 15 | D |  | 419 | 15 | B |
| 120 | 16 | D |  | 267 | 16 | A |  | 302 | 16 | C |  | 419 | 16 | A |

**II/ TỰ LUẬN: ( 4đ)**

**Câu 1: hãy trình bày đặc điểm dân cư- xã hội của Nhật Bản? (1đ)**

Câu 1: (1đ)

- Dân số đông, đứng thứ 10 trên thế giới (2005).

- Tốc độ gia tăng dân số thấp, đang giảm hàng năm (năm 2005 chỉ 0,1%)

- Phân bố: tập trung chủ yếu ở các thành phố ven biển, nhất là thành phố lớn.

- Hiện là nước có cơ cấu dân số già, xu hướng người già có tỉ lệ cao.

\* Khó khăn: + Chi phí cho phúc lợi xã hội cao

 + Thiếu lao động trong tương lai.

- Đặc điểm con người Nhật Bản: người lao động cần cù, tiết kiệm, có ý thức kỹ luật, tự giác cao, có trách nhiệm cao, giáo dục được chú trọng

**Câu 2: hãy cho biết vai trò và tình hình phát triển Nông Nghiệp ở Nhật Bản? (1đ)**

Câu 2: Nông nghiệp (1đ)

– Chỉ đóng vai trò thứ yếu trong nền kinh tế (chỉ chiếm khoảng 1% trong cơ cấu GDP).

- Tình hình phát triển:

 + Nông nghiệp phát triển theo hướng thâm canh để tăng năng suất và chất lượng nông sản

 + Trồng trọt:

 • Lúa gạo: cây trồng chính, 50% diện tích trồng trọt nhưng đang giảm.

 • Chè, thuốc lá, dâu tằm

 + Chăn nuôi tương đối phát triển theo phương pháp tiên tiến trong các trang trại.

+ Nuôi trồng đánh bắt hải sản phát triển.

**Câu 3 : hãy cho biết vị trí địa lí và lãnh thổ của Trung Quốc ? ( 2đ)**

Câu 3 :Vị trí địa lí và lãnh thổ (2đ)

 - Đất nước có diện tích rộng lớn (thứ 4 thế giới), nằm trong khu vực Trung – Đông Á.

- Giới hạn lãnh thổ:

+ Kéo dài từ 200 B đến 530 B, 730 Đ đến 1350 Đ.

+ Tiếp giáp 14 quốc gia.

+ Biên giới là núi cao và hoang mạc ở phía tây, nam và bắc.

+ Phía Đông giáp biển, gần với Nhật Bản, Hàn Quốc, Đông Nam Á (trong đó có Việt Nam).

+ Cả nước có 22 tỉnh, 5 khu tự trị và 4 thành phố trực thuộc trung ương. Ven biển có hai đặc khu hành chính là Hồng Kông và Ma Cao. Đảo Đài Loan là một bộ phận lãnh thổ của Trung Quốc

**=>** Thiên nhiên đa dạng, dễ mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực và thế giới.

**Câu 4 . Cho bảng số liệu:**

**“Giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm”**

**(Đơn vị: tỉ USD)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1995** | **2000** | **2004** | **2010** | **2015** |
| **Xuất khẩu** | **443,1** | **479,2** | **565,7** | **769,8** | **624,8** |
| **Nhập khẩu** | **335,9** | **379,5** | **454,5** | **692,4** | **648,3** |

**Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 1990 – 2015 ? (2đ)**

**( lưu ý: vẽ dối, vẽ không dùng thước: trừ 0,5đ)**

Câu 4:\* vẽ đúng, đủ : 2đ

+ sai tỉ lệ trừ 1 đ

+ không số liệu trừ 0,5đ

+ không tên biểu đồ trừ 0,5đ

+ sai khoảng cách năm : trừ 0,5 đ ( 1 giai đoạn)

+ thiếu đơn vị trừ 0,5 đ

+ thiếu chú giải trừ 0,5đ

+ vẽ chưa đủ không cho điểm, vẽ chưa đủ cột nhưng đúng tỉ lệ cho 1đ

+ vẽ dối, không dùng thước: trừ 0,5đ